

ĐỔI MỚI QUAN HỆ GIỮA CƠ QUAN THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VỚI CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Trần Thị Kim Dung*

1. Tính cần thiết của hoạt động đổi mới quan hệ giữa cơ quan thông tin - thư viện trường đại học với cán bộ, giảng viên, sinh viên

Hoạt động giáo dục đại học là hoạt động chuyển giao tri thức khoa học, tri thức công nghệ và nghiên cứu khoa học. Thành tựu và chất lượng của giáo dục đại học phần quan trọng phụ thuộc vào việc sử dụng nguồn lực thông tin khoa học và tri thức của người dạy, người học do các cơ quan Thông tin - Thư viện trường đại học (là phòng thư viện, trung tâm TT-TV, trung tâm học liệu - thư viện, gọi tắt là thư viện đại học: TVĐH) cung cấp và phục vụ.

Hiện nay Đảng và Chính phủ chủ trương "Đổi mới giáo dục đại học" theo hướng Xã hội hóa giáo dục, hội nhập giáo dục đại học thế giới bằng những phương pháp: đào tạo đại học từ xa, đào tạo đại học theo học chế tín chỉ đã tác động đến nhiều phương diện hoạt động thông tin TVĐH.

Việc chuyển đổi đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ thay đổi toàn diện cách thức giảng dạy - học tập. Học chế tín chỉ lấy

* Thư viện Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

sinh viên (SV) làm trung tâm tự đào tạo trong quá trình học tập của họ. SV thu thập, xử lý TT-TL, tích lũy kiến thức dưới sự hướng dẫn, kiểm soát và đánh giá của giáo viên hướng dẫn. Phương pháp đào tạo tích cực này đòi hỏi:

- Giáo viên (GV) luôn cần sử dụng tư liệu, tài liệu làm mới, phục vụ cho bài giảng, môn học họ đảm nhiệm; Cần nắm được nguồn thông tin tư liệu và các học liệu cần thiết để giới thiệu đến SV học và tham khảo.

- SV chủ động tìm kiếm thông tin - tài liệu, học liệu tích lũy học trình cho môn học, ngành học họ đăng ký tham dự.

Nhu cầu thông tin - tư liệu, tài liệu của giáo viên, nhu cầu tiếp cận thông tin, học liệu của SV ngày càng tăng tạo cơ hội cho năng lực nguồn tin thư viện phát triển. Đồng thời, trong thời đại thông tin điện tử và sự phổ cập của internet thì nhiều thách thức mới cũng đến với TVĐH. Để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ nghiên cứu, giảng dạy đại học trong điều kiện hiện nay, TVĐH cần đổi mới nhiều hoạt động mà một trong những hoạt động đó là *đổi mới quan hệ giữa thư viện với cán bộ giảng viên và sinh viên trong nhà trường.*

Muốn tiến hành chương trình đổi mới, trước hết thư viện cần có những hiểu biết về đối tượng dùng tin mình phục vụ, những nhu cầu thông tin - tài liệu của người dùng tin, thực trạng của mối quan hệ này.

2. Đặc điểm, nhu cầu của nhóm người dùng tin chủ yếu trong thư viện trường đại học, thực trạng mối quan hệ giữa TVĐH và người dùng tin

2.1. Đặc điểm đối tượng dùng tin chủ yếu

Đối tượng sử dụng nguồn TT-TL trong thư viện đại học gồm nhiều thành phần: Cán bộ (CB) lãnh đạo, CB khôi phục vụ đào tạo (CB các khoa - phòng - ban), GV, SV hệ đào tạo chính quy, hệ tại

chức, hệ liên thông, hệ văn bằng hai, hệ cao học và nghiên cứu sinh. Ở đây quy vào hai nhóm đối tượng chính: CB, GV và SV nói chung). Đối tượng dùng tin TVĐH là nhóm người mang tính chất tương đối ổn định, có tổ chức và có năng lực thông tin nhất định (có hiểu biết kỹ năng khai thác, xử lý và sử dụng thông tin có hiệu quả).

- Nhóm CB, GV: Là nhóm người có trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ và có năng lực thông tin.

- Là nhóm người sử dụng tin tích cực của thư viện đại học. GV sử dụng thông tin - tài liệu thư viện, tạo lập nguồn tin là bài giảng, tài liệu giáo khoa, giáo trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Từ nguồn tin do họ xây dựng, GV thường xuyên cung cấp cho SV những thông tin học tập hữu ích.

- Nhóm SV: Là nhóm đối tượng đông đảo và năng động, thường có những biến động, có khả năng tiếp cận nhiều kênh thông tin, nhưng năng lực thông tin còn hạn chế, ở nhiều mức độ cao thấp rất khác nhau.

2.2. Đặc điểm nhu cầu tin

- Đối với CB, GV: Sự nghiệp nghiên cứu, giảng dạy của người GV song hành cùng công việc "học tập suốt đời" đã gắn kết họ thường xuyên có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin. Theo một cuộc điều tra trên phiếu gần đây ở Thư viện Trường Đại học Xây dựng thì phân nửa trong số 40 phiếu trả lời họ dành thời gian từ 4 - 6 giờ/ ngày để tìm kiếm nguồn tin ngoài thư viện. Như vậy, GV đã phân tán sự quan tâm từ thư viện ra các nguồn địa chỉ tin cậy bên ngoài.

- Đòi hỏi của nhu cầu tin thường chuyên sâu một lĩnh vực khoa học, chuyên ngành kỹ thuật, có tính cập nhật và giá trị khoa học cao.

- Các loại hình tài liệu đa dạng như: tài liệu in, ấn phẩm định kỳ, băng từ, tài liệu điện tử.

- Đối với SV: Nhu cầu chủ yếu là nguồn học liệu phục vụ nhiệm vụ học tập trong trường đại học của SV gồm: Tài liệu giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo... về mọi lĩnh vực khoa học, mọi ngành nghề giáo dục đại học quan tâm, các tài liệu trên thường có tính chuẩn xác cao.

Đặc thù của phương thức đào tạo theo tín chỉ yêu cầu tài liệu chuẩn bị bài giảng rất nhiều. GV có nhu cầu sử dụng thông tin - tài liệu cho mình và cung cấp nguồn tin - tài liệu để SV học tập, nghiên cứu, tích lũy tín chỉ, đồng thời đòi hỏi SV đọc nhiều tài liệu, học liệu mà TVĐH lại là trung tâm đáp ứng đầy đủ nhất nhu cầu này.

2.3. Thực trạng mối quan hệ giữa TVĐH với cán bộ, giảng viên và sinh viên trường đại học

- Mối quan hệ giữa CB - GV, SV với TVĐH còn nhiều hạn chế: Hoạt động của TVĐH đa phần còn bó hẹp trong các hình thức phục vụ truyền thống. TVĐH chưa chủ động quảng bá sản phẩm và hình ảnh của mình. Phía CB, GV còn thiếu hiểu biết, thiếu tin cậy vào nguồn lực thông tin của thư viện nhà trường. Giữa CB và SV còn ngăn cách, có những SV còn ngại đến thư viện tìm tài liệu, ngại tiếp xúc với CBTV. Ngoài xã hội, sự bùng nổ của những nguồn tin, sự tràn lan của các dạng thông tin - tư liệu điện tử và sự hữu hiệu của công cụ tra cứu internet làm nhạt đi mối quan tâm của CB, GV và SV với thư viện.

- Gần đây các TVĐH đã được hiện đại hóa, được trang bị cơ sở vật chất hiện đại, khá đầy đủ phương tiện phục vụ. Vốn tài liệu gốc đang được điện tử hóa, số hóa cải thiện điều kiện phục vụ người dùng tin. Nguồn tin nội lực nhà trường (Bao gồm: kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, các luận án, kỷ yếu hội thảo, báo cáo thực nghiệm, giáo trình...) lớn dần theo thời gian đang có xu hướng được quản lý lại, đưa ra khai thác làm nảy sinh quan hệ

mới giữa CB, GV và TVĐH. Đó là *mối quan hệ tương tác*, CB, GV vừa là người dùng tin TVĐH, vừa là người cung cấp nguồn vốn thông tin - tài liệu cho thư viện, giữ vai trò chủ thể trong quá trình chia sẻ nguồn tài nguyên nội sinh. Quá trình SV sử dụng thư viện phục vụ học tập theo cách thức tín chỉ cũng tạo ra *mối quan hệ phản hồi* giữa SV với CBTV về chất lượng, mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin - tài liệu của thư viện.

- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ thông tin - tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập theo yêu cầu của học chế tín chỉ trong thời đại thông tin bùng nổ, TVĐH cần khắc phục hạn chế, khai thác yếu tố tích cực, đổi mới toàn diện các hoạt động, trong đó có đổi mới quan hệ thư viện với người dùng tin.

- Trên cơ sở phân tích đặc thù đối tượng dùng tin, nhu cầu tin và hiện trạng quan hệ giữa TVĐH với các nhóm người dùng tin chủ yếu, người viết muốn đề đạt những giải pháp sau cho việc đổi mới quan hệ giữa TVĐH với CB, GV, và SV trong thư viện trường đại học

3. Các giải pháp cải thiện và nâng cao mối quan hệ giữa cơ quan thông tin - thư viện trường đại học với cán bộ, giảng viên và sinh viên

Các giải pháp được đề nghị thực chất là các giải pháp nâng cao năng lực thông tin của TVĐH, mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả thông tin - tài liệu thư viện phục vụ tốt việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của người dùng tin TVĐH.

3.1. Tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn và đào tạo người dùng tin

Đối với nhóm độc giả là sinh viên:

- Bên cạnh người thầy đào tạo kiến thức khoa học, kiến thức chuyên ngành cho SV, CBTV, với vai trò người phục vụ đào tạo cũng đang truyền thụ năng lực làm việc suốt đời cho SV.

- SV là trung tâm đào tạo trong trường đại học. Để giúp SV tiếp cận thư viện ngay những ngày đầu nhập học, các TVĐH cần lập chương trình "Tự giới thiệu Thư viện", tiếp xúc ra mắt SV mới trong Chương trình Ngày khai giảng khóa học mới. Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội và thư viện một số trường đại học (TTTTV ĐH Ngoại ngữ Hà Nội...) đã làm tốt hình thức này. Hàng năm, Trung tâm TT-TV ĐHQG HN đều tổ chức "Hướng dẫn SV năm thứ nhất sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Trung tâm" và thông báo giáo trình dùng cho năm học mới để SV biết sách cần mượn học.

- Đăng nhập một số thông tin hữu ích về thư viện trong cuốn "Sổ tay SV" mỗi trường như: Số lượng các tài liệu chuyên ngành đào tạo các dạng tài liệu, sơ đồ các phòng chức năng giúp phổ biến toàn thể SV hiểu biết khái quát thư viện trường.

- Định hướng tìm tin cho SV: Xã hội bùng nổ thông tin, internet kết nối mọi lúc, mọi nơi và khả năng tiếp cận nhiều kênh thông tin của SV nhiều khi gây nhiễu các nguồn thông tin cần cho học tập.

- Giáo dục SV nếp văn hóa sử dụng nơi công cộng bằng các chỉ dẫn, nội quy thư viện; văn hóa sử dụng tin - tài liệu: tránh đạo văn, sao chép nguyên văn tài liệu làm bài qua việc nhắc nhở sinh viên trong phòng mượn, phòng photo.

- Đào tạo kỹ năng thông tin: SV ở những trường đại học khác nhau có những kỹ năng thông tin khác nhau. Cùng một trường đại học, mức độ năng lực thông tin SV cũng rất khác nhau. Đào tạo tin chỉ đòi hỏi mỗi SV phải có một kỹ năng thông tin nhất định. CBTV giúp đỡ họ bằng việc mở các lớp hướng dẫn sử dụng tin, trang bị cho SV các kiến thức thông tin (kỹ năng khai thác, kỹ năng xử lý, kỹ năng sử dụng các nguồn tin thông tin - tài liệu).

- Những biện pháp tuyên truyền giáo dục tưởng như đơn giản, thứ yếu nhưng không thể xem nhẹ. Đây là *nguồn tri thức nền tảng* trang bị cho quá trình tự học, tự rèn luyện, đáp ứng hiệu quả nhu cầu thông tin - tài liệu học tập - tích lũy tín chỉ của SV.

Đối với cán bộ, giảng viên:

- Dựa vào đặc điểm là nhóm người dùng tin có chuyên môn, có năng lực thông tin nhất định nên các giải pháp tuyên truyền cụ thể là sự hỗ trợ tìm kiếm, khai thác thông tin bằng:

- Xây dựng mối hiểu biết, tin cậy giữa CB, GV và TVĐH. Khi đa số CB, GV hiểu rằng những thành công trong sự nghiệp của họ có phần đóng góp của thư viện trường thì một số cho rằng thư viện ít quan trọng, internet cho họ công cụ tìm tin tiện ích, rộng mở. CBTV cần tháo gỡ nhìn nhận trên bằng việc giúp CB, GV hiểu rõ nguồn lực thông tin của thư viện (nguồn tin, nguồn nhân lực phục vụ thông tin, công cụ vật chất cho người dùng tin sử dụng khai thác thông tin). Giúp CB, GV hiểu rằng địa chỉ thư viện là trung tâm cung cấp thông tin - tài liệu đủ và thiết thực nhất, có những ưu thế cơ bản đáp ứng nhu cầu nghiên cứu giảng dạy của đội ngũ GV, mà các nguồn tin khác không thể có.

- Chủ động quảng bá hình ảnh thư viện bằng trang Web thư viện, bằng triển lãm sách, bằng mời GV - nhất là các GV trẻ - tham quan thư viện.

- Thúc đẩy mối quan hệ bền vững, đặc thù giữa TVĐH với người dùng tin làm công tác nghiên cứu, giảng dạy đại học thông qua những trao đổi, điều tra.

- Tuyên truyền cho việc hợp tác hoạt động thông tin - tài liệu qua chia sẻ khai thác nguồn tin nội lực giữa CB, GV và TVĐH (khai thác sử dụng các đề tài nghiên cứu khoa học, các báo cáo tham luận... từ các khoa, phòng, ban; chuyển giao quản lý nguồn tin).

Những hoạt động trên đều nhằm mục đích giúp CB, GV khai thác tối đa nguồn tin, đạt hiệu quả sử dụng nguồn lực thông tin lớn nhất cho công việc nghiên cứu, giảng dạy của họ.

3.2. *Đổi mới phục vụ phòng đọc cho cán bộ, giảng viên và sinh viên*

Mỗi thư viện trường đại học có những nhiệm vụ cụ thể gắn với chức năng nhiệm vụ của trường. Nhưng đều có nhiệm vụ chung là cung cấp tài liệu, sách báo để GV, sinh viên đọc phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập của họ trong nhà trường.

Mối quan hệ giữa CBTV với GV, SV phát triển tốt phần nhiều do CBTV làm tốt công tác phục vụ bạn đọc. Phòng đọc là trung tâm tập hợp đầy đủ nhất các tài liệu cần thiết cho SV học tập và nghiên cứu trong quá trình đào tạo đại học. Loại hình tài liệu được SV quan tâm chủ yếu là tài liệu dạng in ấn: sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng, sách tham khảo. SV đến phòng đọc thường tập trung vào các kỳ thi. Ngày nay, cách thức đào tạo tín chỉ thúc đẩy số lượng SV đến tìm đọc tài liệu để phục vụ học tập và nghiên cứu ngày càng tăng. Mặt khác, sự thiếu vắng SV ở một số phòng đọc cũng gia tăng. Nguyên nhân bởi các nguồn sao chép, cung cấp sách ngoài thị trường mở rộng. Những nguyên nhân này cũng tác động đến quan hệ của người đọc (là SV, GV) và người phục vụ (là CBTV), khác đi so với trước kia. Đó là quan hệ hai chiều giữa người cung cấp thông tin và người sử dụng thông tin. Nếu chất lượng phục vụ của đội ngũ CBTV còn hạn chế thì người sử dụng thông tin sẽ tìm đến các nguồn tài liệu khác ngoài thư viện, ảnh hưởng xấu đến năng lực hoạt động thư viện.

Để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV theo hình thức đào tạo tín chỉ, thư viện phải đổi mới cách thức phục vụ bạn đọc:

- Chuyển hình thức cho mượn giáo trình theo niên lịch, theo phân khoa sang cho mượn theo môn học, ngành học phù hợp với từng nhu cầu tích lũy tín chỉ của mỗi SV.

- Cho mượn theo hình thức mượn - trả giáo trình trong ngày để giảm thời gian quay vòng của cuốn sách xuống ngắn nhất, tăng lượt người tiếp cận đầu sách lên cao nhất, khắc phục tình trạng số lượng đầu sách còn hạn chế của thư viện.

- Tăng cường thời gian phục vụ phòng đọc tất cả các ngày trong tuần; các buổi trưa, buổi tối đáp ứng nhu cầu đọc tài liệu của SV

- Mở rộng thành phần phục vụ là SV ở những phòng đọc trước đây hạn chế đối tượng như Phòng đọc Ngoại văn của Thư viện trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Trước đây, phòng này mang tên "Phòng đọc CB" dành riêng cho CB, nghiên cứu sinh nay phục vụ cả SV, tạo điều kiện cho đông đảo người dùng tin khai thác tối đa tài liệu thư viện.

- Xây mới các phòng đọc, nhất là phòng đọc dành cho các GV nghiên cứu tài liệu tại chỗ. Hiện nay, lực lượng GV trẻ thường chiếm đa số trong các trường đại học, họ đang cần đọc và tích lũy nhiều kiến thức. Bên cạnh đó, chương trình giảng dạy theo tín chỉ cũng đòi hỏi thu thập nhiều tài liệu và các thông tin liên quan khác. Chính vì vậy, các GV có nhu cầu phòng đọc riêng để nghiên cứu và đầu tư cho bài giảng của mình đạt chất lượng, hiệu quả giảng dạy cao. Xây mới phòng đọc CB là thể hiện sự quan tâm đến đối tượng truyền thống, gắn bó lâu dài trong quá trình phát triển sự nghiệp thư viện

- Xây dựng phòng đọc mở sắp xếp tài liệu theo lĩnh vực môn loại khoa học phục vụ tự chọn giúp cho CB, GV cũng như SV trực tiếp khai thác tài liệu thư viện.

- Hoạt động phục vụ phòng đọc là một hoạt động chủ lực trong tiến trình hoạt động thông tin - tài liệu của TVĐH. Có nhiều loại hình phòng đọc. Căn cứ vào những nhiệm vụ cụ thể đặc thù mỗi trường đại học, nhu cầu mỗi nhóm người đọc, thư viện tổ chức những loại hình phòng đọc khác nhau, lựa chọn những loại

tài liệu đáp ứng lớn nhất, hiệu quả nhất cho nhu cầu đọc của GV, SV. Chất lượng và hiệu quả phục vụ phòng đọc thể hiện năng lực thông tin của thư viện. Đổi mới phục vụ đọc, nâng cao năng lực thư viện mục đích cuối cùng là giúp đỡ GV, SV hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và học tập, tăng cường sự gắn bó giữa CBTV với GV và SV trong nhà trường.

3.3. Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thư viện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên

- Cung cấp các sản phẩm và đổi mới hình thức các dịch vụ là hoạt động không thể thiếu trong TVĐH hiện đại.

- Các sản phẩm truyền thống là hệ thống MLTV, ML tra cứu công cộng trực tuyến (OPAC) cho phép SV truy cập các thư mục.

- Các sản phẩm mới có: Các CSDL.TM, CSDL luận văn, bài trích tạp chí.

- Các sản phẩm, dịch vụ thư viện ra đời đã đáp ứng kịp thời, linh hoạt nhu cầu đặc thù của người làm công tác nghiên cứu và tuyển bá tri thức - nhất là trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học - là cần các thông tin - tài liệu cập nhật, có giá trị khoa học. TTTTV ĐHQG HN là thư viện hàng đầu trong hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thư viện. Khối lượng sản phẩm khá lớn, loại hình đa dạng. Trong các sản phẩm thư viện phải kể đến:

“Danh mục giáo trình khoa học tự nhiên và khoa học xã hội” cung cấp cho các lớp SV năm thứ nhất. Sản phẩm có tác dụng thiết thực giúp SV năm thứ nhất mượn đúng tài liệu cho chương trình học, CBTV rút ngắn được thời gian phục vụ;

“Bản tin điện tử” nội dung có những thông tin nghiệp vụ bổ ích.

Dịch vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu. Dịch vụ này cung cấp thông tin có giá trị hiệu quả cao và thường xuyên nhận được sự phản hồi từ người sử dụng.

- Tăng cường, đa dạng hóa các sản phẩm thông tin, tăng cường dịch vụ cho người dùng tin là xu hướng đổi mới hoạt động thư viện ngày càng được chú ý:

- Đối với học viên cao học, SV tại chức ở xa trường dịch vụ photo tài liệu gửi qua đường bưu điện giúp họ có điều kiện học tập thuận lợi hơn.

- Việc cung cấp các sản phẩm thư viện là *cầu nối mối quan hệ giữa CBTV và CB giảng dạy cũng như với SV*, mang lại những lợi ích thiết thực cho cả hai phía: người cung cấp tin và người sử dụng thông tin.

3.4. Xây dựng nguồn vốn thông tin – tài liệu đủ mạnh và đa dạng

- Đây là là một trong những giải pháp hữu hiệu tăng cường tiềm lực thông tin, từ đó thu hút người dùng tin đến với thư viện tạo thuận lợi cho sự phát triển mối quan hệ giữa CBTV với CB, GV, SV.

- Bám sát nhiệm vụ phục vụ đào tạo của nhà trường, TVĐH bổ sung đủ và kịp thời các tài liệu giáo trình, giáo khoa. Các tài liệu tham khảo cần được tăng cường hơn để đáp ứng lượng sách cần đọc theo yêu cầu học chế tín chỉ ngày càng tăng của SV.

- Bổ sung đa dạng các loại hình tài liệu: Tài liệu in ấn, tài liệu điện tử (các cơ sở dữ liệu, CD-Rom, tài liệu số).

- Số hóa các tài liệu gốc để đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa nguồn tin điện tử của GV, SV.

3.5. Đổi mới công tác CBTV

- Quan hệ giữa thư viện đại học và người sử dụng thông tin thực tế là quan hệ giữa đội ngũ CB phục vụ thư viện và CB, GV, SV trong nhà trường. Chất lượng, hiệu quả của công tác phục vụ

đào tạo, nghiên cứu (phục vụ SV và GV) phụ thuộc một phần vào năng lực làm việc của CBTV.

Đổi mới tuyển dụng:

- Hiện nay, đội ngũ CBTV đã được quan tâm nhiều mặt, chất lượng được nâng lên rõ rệt. Để thực chất làm tốt công việc của người CBTV trường đại học thì nhất thiết họ phải là người đã được đào tạo chuyên ngành thư viện, có thể dưới các hình thức đào tạo khác nhau: đào tạo chính quy, đào tạo tại chức, đào tạo văn bằng hai, đào tạo liên thông hay bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện. Chủ trương tuyển dụng trên sẽ thu hút những người có tâm huyết với nghề thư viện vào làm việc.

- Cần có trình độ ngoại ngữ, tin học - kỹ năng thông tin: TVĐH là những thư viện khoa học đa ngành hoặc chuyên ngành, đối tượng phục vụ có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn. CBTV cần có công cụ ngoại ngữ, tin học để xử lý tốt các nguồn tài liệu, làm chủ các dụng cụ, máy móc vận hành phục vụ công tác thư viện, đáp ứng được các yêu cầu của CB, GV, SV.

- Cần có những hiểu biết về những lĩnh vực, chuyên ngành nhà trường đang đào tạo. Đây là điều kiện không thể thiếu vì chức năng của thư viện là chức năng của một cơ quan phục vụ. Nhiệm vụ của thư viện gắn liền với nhiệm vụ đào tạo của nhà trường.

- Đào tạo lại: Xu thế hòa nhập sự phát triển của ngành thông tin – thư viện trên thế giới; Các chủ trương đổi mới đào tạo đại học... là những yếu tố buộc thư viện thường xuyên đào tạo lại nhân lực.

- Đào tạo lại bằng các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ, các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế... nâng cao năng lực các mặt cho CBTV.

- Giáo dục phẩm chất CB: CBTV cần tự trau dồi đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp - ứng xử, phải thực hiện đúng tiêu chí “Văn minh công sở” khi đến thư viện làm việc.

Kết luận

Đổi mới quan hệ giữa cơ quan TT-TV và người sử dụng tin thực chất là đổi mới quan hệ giữa CBTV với CB, GV, SV trong nhà trường. Các giải pháp đổi mới nhằm nâng cao năng lực TT-TL thư viện, năng lực phục vụ của đội ngũ CBTV. Mục đích của công tác đổi mới nhằm đạt đến chất lượng, hiệu quả cao nhất cho nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập của GV và SV trong nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ của trường. Khẳng định vai trò quan trọng của thư viện đối với quá trình đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cẩm nang nghề Thư viện/ Lê Văn Việt.-H.:Văn hóa thông tin. 2000.
2. Thúc đẩy mối quan hệ cán bộ thư viện – giảng viên trước yêu cầu chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ /Đồng Đức Hùng: Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Trung tâm TTTV, ĐH Quốc gia Hà Nội 1997-2007.-tr 15 – tr 21.
3. Quan hệ công chúng dưới góc độ hoạt động TTTV/ Mai Mỹ Hạnh: Ngành TT-TV trong xã hội thông tin – Đại học Quốc gia Hà Nội.- tr 257 – tr 259.
4. Phát triển năng lực thông tin cho người dùng tin – Một cách tiếp cận để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thông tin phục vụ nghiên cứu GD – ĐT/ Nghiêm Xuân Huy:<http://www.vietnamlib.net/wpcontent/uploads/2011/09/nghiemxuanhuytoanvan.vie.pdf-windowsinternetexplore>.